

HẠN VÀ RẾT ĐẦU VỤ ĐÔNG XUÂN

1979-1980 Ở MIỀN BẮC VIỆT NAM

Hoàng Thu Nhung - Viện KTTV

Đầu vụ đông xuân 1979-1980 thời tiết không bình thường đã gây ra một đợt khô hạn kéo dài suốt mấy tháng liền, ảnh hưởng đến đời sống sinh trưởng của các loại cây trồng, tiếp đến là rét đậm cuối tháng I đầu tháng II-1980 làm cho nhiều nơi trên miền bắc mạ xuân muộn và lúa bị chết rét phải cấy dặm lại. Dưới đây xin nêu một vài ý kiến nhận xét và đánh giá bước đầu về tình hình hạn, rét đầu vụ đông xuân 1979 - 1980.

I - VÀI NÉT CHỦ YẾU VỀ THỜI TIẾT ĐẦU VỤ ĐÔNG XUÂN 1979-1980

1. Khô hạn kéo dài.

Thời tiết nổi bật nhất đầu vụ đông xuân này là khô hạn. Đợt mưa cuối cùng do cơn bão số 10 ngày 22-IX-1979 đổ bộ vào Bình trị thiên và nam Nghĩa bình đã kết thúc mùa mưa năm 1979 trên toàn miền bắc Việt nam, kế tiếp là thời kỳ khô hạn từ đầu tháng X-1979 đến trung tuần tháng II-1980. Trừ nam khu 4 ra còn hầu hết các nơi trên miền bắc, lượng mưa tuần phổ biến không vượt quá 5 mm thậm chí có tuần toàn miền bắc không mưa như tuần 2 tháng X và tuần 1 tháng XI-1979, có nơi cả 2 tháng XI và XII-1979 không mưa như Hà nội, Phú thọ. So với trung bình nhiều năm lượng mưa tuần hụt từ 10-60 mm, riêng trong tháng X-1979 Thanh hóa, Vinh, Đô lương, Hà tĩnh, Đông hới hụt 100-180 mm/tuần, tổng lượng mưa từ tháng X/1979-II/1980 đa số các nơi trên miền bắc phổ biến 40-90 mm chỉ bằng 20-45% so với trung bình nhiều năm.

Thời gian không mưa liên tục dài nhất ở đồng bằng bắc bộ là 50-60 ngày, Hà nội 70 ngày (từ cuối tháng X-1979 đến đầu tháng I-1980) do vậy hạn đã xảy ra nghiêm trọng ở nhiều nơi trên toàn miền bắc.

Nhiều ngày không mưa liên tục kéo dài nên thời tiết rất khô hanh, độ ẩm không khí trung bình tuần ở đa số các nơi 75-80% (tuần 2 và 3 tháng XI-1979 chỉ 65-70%), độ ẩm thấp nhất 30-40% (tháng X và XI ở nhiều nơi dưới 30%).

2. Đầu vụ nắng nhiều, lượng bay hơi lớn.

Trong các tháng X, XI, XII-1979 trời quang mây, nắng gay gắt, số giờ nắng trung bình mỗi tuần 50-70 giờ (tuần 2 và 3 tháng X-1979 : 80-100 giờ), tổng lượng bay hơi phổ biến 30-40 mm/tuần (Hà nội tuần 2 và 3 tháng XI-1979 : 50 mm). Từ tháng I-1980 nắng bắt đầu giảm dần và đến tháng II-1980 đạt trị số thấp nhất, nhiều nơi tuần 1 tháng II hầu như không có nắng.

3. Trời âm chuyển rét đột ngột sau tiết đại hạn.

Bảng 1 - Diễn biến các yếu tố khí tượng ở một số nơi

Trạm	Các yếu tố	X - 1979			XI - 1979			XII - 1979			I - 1980			II - 1980		
		1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3
Lạng son	- Nhiệt độ không khí trung bình (°C)	21.9	20.4	20.1	18.7	16.7	12.8	18.0	15.9	16.0	14.6	13.7	14.4	6.9	13.4	16.3
	- Nhiệt độ thấp nhất	15.2	13.0	11.5	9.6	5.0	3.9	7.1	6.9	5.1	7.0	9.4	6.0	3.7	6.6	11.9
	- Lượng mưa (mm)	0.0	-	6.0	-	0.0	1.4	0.0	-	0.1	0.0	3.8	10.9	2.2	2.9	53.0
	- Độ ẩm không khí trung bình (%)	76	78	77	76	70	64	78	76	75	76	73	80	83	84	93
	- Độ ẩm thấp nhất	34	33	26	24	31	21	26	46	33	42	36	19	52	55	51
	- Lượng bay hơi (mm)	50.5	55.0	55.6	48.6	67.6	68.3	37.0	42.0	44.8	41.5	45.3	40.3	26.6	25.2	12.4
Hà nội	- Nhiệt độ không khí trung bình (°C)	25.1	24.8	23.6	23.0	20.6	17.0	20.8	19.6	19.5	18.2	16.6	17.5	11.0	15.5	19.4
	- Nhiệt độ thấp nhất	20.4	19.0	18.0	16.7	13.1	10.6	13.5	14.4	11.1	11.5	12.9	10.6	8.2	9.7	16.9
	- Lượng mưa (mm)	14.1	-	5.4	-	-	0.0	0.0	-	-	1.3	3.6	1.5	6.5	0.6	36.4
	- Độ ẩm không khí trung bình (%)	72	74	76	73	64	59	76	74	75	77	80	80	80	84	92
	- Độ ẩm thấp nhất	33	38	45	39	28	26	33	52	42	45	55	42	52	55	53
	- Lượng bay hơi (mm)	51.2	56.6	54.6	54.7	59.0	54.3	63.6	52.1	66.9	29.1	8.0	27.0	0.6	4.7	11.0
Vinh	- Nhiệt độ không khí trung bình (°C)	24.2	23.5	23.2	22.6	20.4	17.1	19.5	19.0	19.3	18.9	17.8	18.7	13.0	16.0	20.1
	- Nhiệt độ thấp nhất	19.2	18.7	17.6	17.1	13.5	10.4	11.5	13.0	12.4	12.5	13.0	10.7	8.6	10.4	16.5
	- Lượng mưa (mm)	0.2	-	5.4	-	54.5	13.6	0.0	11.2	3.3	4.7	10.7	11.9	27.0	2.9	22.6
	- Độ ẩm không khí trung bình (%)	82	86	85	85	80	74	84	88	87	88	91	88	94	91	93
	- Độ ẩm thấp nhất	53	55	53	43	31	30	42	65	61	65	64	43	85	73	74
	- Lượng bay hơi (mm)	178.6	93.3	64.6	77.6	11.4	32.7	34.5	38.7	42.2	25.0	11.4	38.8	00	2.5	17.2
- Lượng bay hơi (mm)	26.3	21.8	22.7	20.1	21.4	26.9	17.6	14.0	14.2	14.2	14.2	7.6	15.2	3.6	6.6	6.0

Nhìn chung các đợt gió mùa đông bắc tràn về đầu vụ đông xuân này đều yếu, duy chỉ có đợt cuối tháng I-1980 là mạnh nhất. Từ đầu tháng IX-1979 đến gần hết tháng I-1980 thời tiết âm áp hiểm cố trong mùa đông. Nhiệt độ trung bình các tháng X và XI-1979 trừ miền núi cao ra đều trên 20°C, tháng XII-1979 và tháng I-1980 có lạnh hơn chút ít (17 - 20°C) nhưng so với trung bình nhiều năm vẫn còn cao hơn từ 1 - 3°C. Trong suốt thời gian từ tháng X - XII/1979 ở đồng bằng bắc bộ không có ngày nào nhiệt độ trung bình xuống dưới 15°C, mãi tới tuần 1 tháng I-1980 mới xuất hiện và cũng chỉ có 3-4 ngày/tuần. Riêng chỉ có tuần 1 tháng II nhiều nhất là 10 ngày. Do đổ tuyết/rét hạn không thể xảy ra, nhưng sau đợt gió mùa đông bắc tràn về rất mạnh ngày 30-I-1980 làm cho nhiệt độ giảm đột ngột, nhiệt độ trung bình ngày ở nhiều nơi 10 - 13°C, nhiệt độ thấp nhất 8 - 9°C (miền núi 3-5°C). Trong những ngày vào giữa tiết lập xuân, trời rét buốt, số ngày có nhiệt độ trung bình ≤ 13°C kéo dài liên tục 15 - 17 ngày, trong đó có 2 ngày ≤ 10°C đã gây ra 1 đợt rét hại ít thấy trong tháng II. /nhu/

Bảng 2 - Số ngày có nhiệt độ trung bình ≤ 13°C

Trạm	Tháng		X-1979			XI-1979			XII-1979			I-1980			II-1980		
	Tuần		1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3
Lạng sơn			0	0	0	0	1	5	0	1	3	6	6	5	10	5	1
Hà nội			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	9	4	0
Vinh			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	4	2	0

Bảng 3 - Số ngày có nhiệt độ trung bình ≤ 15°C

Trạm	Tháng		X-1979			XI-1979			XII-1979			I-1980			II-1980		
	Tuần		1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3
Lạng sơn			0	0	0	0	2	10	1	4	5	6	8	5	10	7	4
Hà nội			0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	4	4	10	4	0
Vinh			0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	8	4	0

II - ẢNH HƯỞNG CỦA HẠN VÀ RẾT ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

1. Tiến độ sản xuất tăng chậm, thời vụ gieo trồng không bảo đảm.

Thời kỳ đầu do thời tiết nắng ráo rất thuận lợi cho việc làm đất gieo trồng cây vụ đông nhưng khi thời vụ tốt nhất thì những diện tích dự kiến trồng cây vụ đông đã bị khô rạn, nhiều nơi đất không thể cấy được phải gánh nước tưới trước khi cây tổn rất nhiều công lao động. Việc làm đất gieo trồng rau màu gặp nhiều khó khăn, tiến độ sản xuất tăng chậm, thời vụ không bảo đảm. Từ 15 - 25/X/1979 là thời

vụ gieo trồng khoai tây thích hợp nhất nhưng toàn trên miền bắc mới trồng được 27.721 ha bằng 23% kế hoạch và đến khi kết thúc thời vụ gieo trồng tổng diện tích khoai tây mới trồng được 73,7% kế hoạch. Diện tích trồng ngô đông chỉ đạt 45,7% mức kế hoạch.

Việc gieo mạ chiêm xuân tiến hành một cách chậm trễ, nhiều nơi ruộng không đủ nước để cấy bừa đã phải chuyển chân được mạ xuống đồng sâu (huyện Thủy nguyên, Hải phòng), một số hợp tác xã tát cạn nước đầm, ao để gieo mạ. Diện tích mạ đã gieo đến 25-I-1979 mới được 1.928 ha bằng 64,5% so với cùng thời kỳ vụ trước và khi thời vụ gieo mạ xuân tốt nhất đã hết (trung tuần tháng XII-1979) vẫn còn 40% diện tích mạ chưa gieo. Do thiếu nước và do khô hanh đất cứng, việc cấy ải gặp khó khăn, đến cuối tháng I-1980 là thời vụ cấy lúa xuân muộn nhất vẫn còn 11,7 vạn ha ruộng chưa đủ nước để cấy bừa, tiến độ cấy của nhiều tỉnh tiến hành rất chậm, nhiều nơi mạ đã đến tuổi cấy mà ruộng vẫn chưa đủ nước để cấy bừa. Tình trạng ruộng chờ nước, mạ chờ ruộng khá phổ biến, theo Tổng cục thống kê đến ngày 5-II-1980 vẫn còn 98479 ha ruộng chưa đủ nước.

2. Lúa chiêm xuân phát triển chậm và chết rết.

Do khô hạn kéo dài mạ phát triển kém, cây thấp, nhỏ dẹt. Nhiều nơi ngay từ khi gieo hạt đã bị thiếu nước, tỷ lệ nảy mầm thấp (60 - 70%). đã phải tưới nước để dưỡng mạ nhưng vẫn không đáp ứng được yêu cầu, mạ cằn cỗi, không phát triển, thậm chí có nơi bị héo khô (Bắc Thái). Cuối tháng XII-1979 diện tích mạ thiếu nước của các tỉnh Hà bắc, Vĩnh phú; Hà nội, Hà sơn bình, Thanh hóa, Hải phòng, Bắc Thái lên tới 7.042 ha, một số nơi thiếu chăm sóc mạ đã bị chết. Những đợt mạ 314 gieo sớm do trời ẩm, phát triển nhanh và đến tuổi cấy (55 - 60 ngày) nhưng nhiều địa phương ruộng chưa có nước, đến khi đủ nước thì mạ đã quá già hoặc quá thối vụ phải phá bỏ.

Cũng do trời ẩm lúa chiêm mới cấy chóng bén rễ hồi xanh và phát triển tốt nhưng chỉ sau một thời gian không mưa lúa đã bị thiếu nước, các tỉnh Nghệ Tĩnh, Hà bắc, Vĩnh phú, Bình trị thiên cuối tháng I có 1,6 vạn ha lúa bị hạn.

Các địa phương lúc này đang tập trung sức để chống hạn, nhiều nơi đã tận dụng mọi khả năng để đưa nước về chống hạn một cách tích cực nhưng diện hạn vẫn không thu hẹp mà còn ~~lớn~~ rộng vì nước ở các hồ ao dự trữ cũng đã cạn, không còn nguồn nước để cung cấp cho lúa nữa. Nhiều chân ruộng không còn nước để dưỡng lúa, có nơi ruộng đã bị khô nê, làm cho cây lúa không phát triển: cây thấp, thân gãy, cằn cỗi, lá héo, giữa tháng III vẫn còn 83.746 ha lúa bị hạn.

Trong khi mạ và lúa đang bị hạn nặng thì đợt gió mùa đông bắc tràn về (cuối tháng I-1980) làm cho nhiệt độ giảm đột ngột, chênh lệch nhiệt độ trong 24 giờ giảm 10 - 15°C, trời rét đậm. Số ngày có nhiệt độ trung bình $\leq 13^{\circ}\text{C}$ kéo dài liên tục 15 - 17 ngày (từ 30/I - 15/II).

Hạn kết hợp với rét lại thiếu nắng trầm trọng gây nên 1 đợt rét hại làm cho mạ và lúa chết rết ở nhiều nơi trên miền bắc. Theo số liệu điều tra ở nhiều nơi tỷ lệ mạ chết nơi nhẹ nhất 10-20%, nơi nặng 60-30%, có nơi mạ mới gieo chết hoàn toàn.

(bảng 4). Mạ bị chết trong đợt này chủ yếu là mạ xuân muộn gieo dự phòng ở thời kỳ gieo - 3 lá. Đặc biệt trong đợt này mạ gieo cuối tháng XII-1979 đã có 4-5 lá vẫn bị chết.

Bảng 4 - Tỷ lệ mạ chết rét ở một số nơi, vụ đông xuân 1979-1980

T r a m	Giống	Ngày gieo	Tuổi mạ	Tỷ lệ % chết	Ghi chú
Bắc giang	NN8	18-XII-1979	6 lá	10-20	
Uông bí (Quảng ninh)	NN8	24- I-1980	2 lá	30	
Phú mỹ (Hà nội)	NN8	21-XII-1979	5 lá	20	Mạ lùn chân
Phú mỹ (Hà nội)	NN8	5- I-1980	2-3 lá	80	Mạ trên gò cao
Phú mỹ (Hà nội)	NN8	6- I-1980	2 lá	60	Ruộng hầu cỏ nước
Phú mỹ (Hà nội)	X1	5- I-1980	2 lá	80	Mạ trên gò cao
Viện KHKT nông nghiệp	IR - 42	6-XII-1979	6 lá	60	
Trại lúa Văn điền	343	17 II-1979	mới gieo	100	
Thái bình	Trần châu	21- I-1980	2 lá	70-80	
Thái bình	lùn	30- I-1980	mọc mầm	80	
Hà nam ninh	NN8	19-XII-1979	7 lá	14	
Hà nam ninh	NN8	28-XII-1979	7 lá	10	
Hà nam ninh	NN8	3- I-1980	5 lá	16	
Đô lương	NN22	30-XII-1979	5 lá	20	
Đô lương	NN8	30-XII-1979	5 lá	30	

Toàn miền bắc diện tích lúa chiêm xuân chết, do hạn và rét là 36.102 ha chiếm 5% diện tích lúa đã cấy, các tỉnh đồng bằng lúa chết 22.020 ha chiếm khoảng 7% diện tích đã cấy. Tỷ lệ lúa chết cao nhất là Hà nội (13%), Hà bắc (11%). (Xem bảng 5).

Bảng 5 - Tình hình mạ, lúa bị hạn và chết rét vụ đông xuân 1979-1980

Thứ tự	Địa phương	Diện tích mạ chết rét (ha)	Diện tích lúa chết rét (ha)	Diện tích lúa bị hạn (ha)	Diện tích ruộng không đủ nước để cấy lúa (ha)
1	Hà tuyên		285		1.584
2	Bắc thái		102	1.500	2.414
3	Hoàng liên sơn		846	1.504	2.991
4	Quảng ninh		131		816
5	Vĩnh phú		2.465	5.834	10.617
6	Hà bắc	440	6.017		2.943
7	Hà nội	226	4.416	4.226	8.506

Thứ tự	Địa phương	Diện tích mạ chết rét (ha)	Diện tích lúa chết rét (ha)	Diện tích lúa bị hạn (ha)	Diện tích ruộng không đủ nước để cấy lúa (ha)
8	Hải phòng		844	2.905	1.853
9	Hà sơn bình	617	3.268	6.589	7.965
10	Hà nam ninh	225	6.110	15.283	14.262
11	Thanh hóa	500	2.600	4.000	12.292
12	Nghệ tĩnh		1.636	15.405	31.338
13	Bình trị thiên			15.000	891
14	Hải hưng	282	4.382		
15	Thái bình		3.000	11.500	
	Tổng cộng	2.290	36.102	83.746	98.479

Sau đợt rét này nhiều hợp tác xã phải cấy dặm lại hoặc bừa đi cấy lại. Để khắc phục tình trạng thiếu mạ, nhiều địa phương đã gieo thêm mạ trên nền đất cứng, gieo thẳng hoặc điều hòa mạ nơi thừa sang nơi thiếu. Tuy vậy một số tỉnh vẫn không cấy hết diện tích vì thiếu mạ, thiếu nước, quá thời vụ. Số diện tích còn lại sẽ phải chuyển vụ trồng màu hoặc cao lương.

3. Rau màu vụ đông, cây công nghiệp bị hạn nặng, cỏ chặn nuôi chế hàng loạt.

Do nắng hạn kéo dài rau, màu vụ đông bị hạn nặng, mặc dù đã có nhiều biện pháp khắc phục như tát và gánh nước tưới cho những diện tích đã trồng nhưng vì lâu ngày không mưa đất khô cứng, nên bỏ rất nhiều công lao động mà không mang lại hiệu quả, thậm chí có nhiều nơi nguồn nước dự trữ đã kiệt vì vậy hạn hán ngày càng nghiêm trọng. Tỉnh Nghệ tĩnh hạn đã làm chết 20% diện tích rau màu đã trồng (5.331 ha), Thanh hóa 5.292 ha màu bị hạn nặng trong đó 500 ha chết hoàn toàn, vùng Sơn động, Lục ngạn (Hà bắc) nhiều diện tích bị hạn nặng, Hà nội rau vùng bãi sông Hồng không có nước tưới phát triển chậm; thân cần cỗi, buổi trưa lá héo.

Tổng diện tích rau màu bị hạn gồm 4,4 vạn ha.

- Khoai lang đông : Do trồng được sớm lượng nước trong đất vẫn còn đủ ẩm nên việc làm đất chưa gặp khó khăn lắm. Diện tích khoai lang vụ này được mở rộng nhưng quá trình sinh trưởng trong điều kiện nắng hạn kéo dài nên dây cần, lá mỏng, vàng úa và ít lá. Thời kỳ làm củ thiếu nước trầm trọng nên năng suất thấp. Những nơi bị hạn nặng như Bắc thái chỉ đạt 10 tạ/ha, Nghệ tĩnh, Quảng ninh, Vĩnh phủ 31-33 tạ/ha, Hà bắc đợt trồng 10-30/X bị mất trắng. Tuy vậy ở những nơi có điều kiện tưới nước tốt vẫn đạt năng suất khá như : Hải hưng 76 tạ/ha, Hải phòng 64 tạ/ha, Thái bình, Hà nam ninh 58 tạ/ha.

- Ngô : bị hạn nặng, cây nhỏ và thấp, lá vàng, mép lá bị xén, lá nõn héo, bắp nhỏ, $\frac{1}{3}$ bắp không có hạt. Năng suất ngô toàn miền bắc chỉ đạt 6,6 tạ/ha bằng 71% năng suất ngô 1979.

- Khả năng : Phần lớn trồng vào cuối tháng IX đầu tháng X, nên bị hạn khoai tây mùa này có nơi 16-17 ngày (Hà Bắc), độ cao tăng chậm, cây cằn, lá nhỏ, ít củ, phần lớn củ nhỏ. Năng suất khoai thấp so với những năm bình thường : ở miền núi 20-30 tạ/ha, Nghệ Tĩnh 36,7 tạ/ha, các tỉnh đồng bằng 80-90 tạ/ha.

- Chè : Những đồi chè lá rụng hàng loạt, một số lá còn lại bị héo táp, có cây chỉ còn cành khô, cuối tháng IX đã không ra búp.

Ở Phú Thọ khoảng 80% nụ chè bị xém, hoa rụng nhiều, lá non héo, cuống và đầu lá cũng bị xém.

Chè trồng bằng cành tháng X-1978 do đất khô quá rễ không hút được nước chết 30-40%, chè trồng tháng IX-1979 chết 80%. Những đồi chè nằm sát thung lũng do độ thoát hơi yếu, giữ ẩm tốt nên ảnh hưởng của khô hạn ít hơn so với sườn dốc và mặt bằng. Năng suất chè cuối năm 1979 ở nhiều nơi rất thấp hoặc thất thu hoàn toàn, triển vọng còn ảnh hưởng xấu đến sản lượng chè vụ xuân năm 1980.

- Mía : Do khô hạn kéo dài, độ bốc hơi lớn, độ ẩm trong đất nhỏ phần lớn mía bị bấc, mía gốc chết 80% (Bắc Thái).

- Cỏ chăn nuôi : Cỏ ở Ba Vì (Hà Tây) từ tháng X-1979 phát triển chậm, thân cỏ cằn cỗi, lá gốc úa vàng, lông phát triển kém, lá non mọc sít, nụ hoa nhỏ, sang tháng XI-1979 toàn bộ đồng cỏ lá khô cháy và ngừng sinh trưởng, cuối tháng có hiện tượng chết từng đám. Ở nhiều nơi thuộc miền núi cỏ chết hàng loạt, trâu bò thiếu thức ăn, sau đợt rét cuối tháng I đầu tháng II đã làm chết 4.944 con trâu bò, ảnh hưởng đến sức kéo trong sản xuất.

-- Bèo hoa dâu phát triển chậm : Do bị thiếu nước bèo dâu không phát triển được, cuối tháng XII-1979 diện tích ương thả bèo toàn miền bắc mới được 21.557 ha, bằng 57% cùng thời kỳ vụ trước. Những nơi không có hệ thống thủy nông bèo bị chết khá nhiều. Thời kỳ hạn nặng nhất cuối tháng XI-1979 đã làm chết 1.434 ha bèo, vì vậy đã thất thu nguồn phân bón đáng kể bằng bèo dâu trong vụ đông xuân này.

III - KẾT LUẬN

Qua tình hình hạn và rét đầu vụ đông xuân 1979-1980 có thể rút ra mấy kết luận sau đây :

1. Đầu vụ đông xuân 1979-1980 nắng hạn gay gắt kéo dài hơn 4 tháng liền, nên rất nhiều nơi nước ở các ao, hồ đã cạn không còn nguồn nước để chống hạn do đó mức độ khô hạn ngày càng lan rộng.

Khô hạn gây tác hại lớn đến đời sống sinh trưởng của cây trồng làm cho sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn.

2. Vụ đông xuân năm 1979-1980 là một vụ tương đối ấm, so với những vụ rét trước thì nhiệt độ thấp nhất trong vụ này vẫn còn cao chưa đạt tới cực trị của những vụ trước. Số ngày có nhiệt độ trung bình 15°C chỉ bằng $\frac{1}{2}$ những vụ trước, nhưng do đợt rét đậm đến muộn, đợt ngọt lại đúng vào thời vụ tập trung cấy cấy lúa xuân, nhiều diện tích lúa cấy chưa bén chân gặp nhiệt độ giảm đợt ngọt kết

(Xem tiếp trang 29)

Ngày, tháng, năm	Q _{TC} + Q _D xuôi không tách triều	Cần thơ		Mỹ thuận	
		Q _{m3/s}	%	Q _{m3/s}	%
18-IV-1978	59.800	2.900	48,5	3.100	52,0
26, 27-IV-1978	61.500	3.000	49,0	3.150	51,0
8-V-1978	61.800	3.050	49,0	3.200	52,0
24, 25-IV-1978	61.000	3.200	50,0	3.350	52,0
Trung bình			49,0		52,0

Ủy ban sông Mêkông cho rằng lượng triều vào và ra trong một con triều là tương tự, do đó kết quả ở biểu 4 sẽ tương tự với kết quả ở biểu 6, vì thực chất ý nghĩa về giả thiết của Ủy ban Mêkông cũng là một hình thức tách lượng triều. Kết quả cho thấy phân phối từ tài liệu thực đo lớn hơn phân phối do Ủy ban sông Mêkông trung bình 4% so với tổng lượng vào ở các mặt cắt Cần thơ và Mỹ thuận. Riêng kết quả ở biểu 5 không phù hợp với kết quả ở biểu 6. Đặc biệt là ở mặt cắt Cần thơ và Mỹ thuận. Như vậy kết quả của nghiên cứu phân phối lưu lượng ở đồng bằng sông Cửu Long là phân phối lưu lượng nước ngọt từ thượng lưu về.

Từ những phân tích trên thấy rằng kết quả về phân phối lưu lượng trên sông của Ủy ban sông Mêkông là có thể chấp nhận được. Đồng thời qua biểu 5 biết được lượng nước triều do mỗi con triều đưa vào vùng đồng bằng từ Cần thơ - Mỹ thuận trở lên bằng 160 - 170% so với tổng lượng nước sau Phnom Pênh chảy vào Việt Nam và lượng nước đó sẽ được chảy ra biển trong con triều đó (trong thực tế vẫn còn lại một lượng nước nhỏ được tích lại trong đồng bằng).

Cũng từ những kết quả trên còn thấy bất kỳ tính phân phối lưu lượng trong sông bằng phương pháp tách triều hay Ủy ban Mêkông phân lưu lượng qua mặt cắt Mỹ thuận cũng lớn hơn qua mặt cắt Cần thơ khoảng 3% so với tổng lượng vào. Riêng phương pháp tính phân phối không tách triều thì lưu lượng qua Cần thơ lớn hơn qua Mỹ thuận (khoảng 50% so với tổng lưu lượng vào)./.

HẠN VÀ RIẾT ĐẦU VỤ ĐÔNG XUÂN 1979-1980 Ở MIỀN BẮC VIỆT NAM (Tiếp theo trang 19)

hợp với hạn nặng đã làm cho nhiều loại cây trồng không đủ sức chịu đựng đặc biệt là mạ và lúa chiêm xuân nhiều nơi bị chết rết.

Tóm lại điều kiện khí tượng nông nghiệp đầu vụ đông xuân 1979 - 1980 không thuận lợi đã gây nhiều khó khăn cho sản xuất nông nghiệp, thiếu nước, thiếu mạ, thiếu phân bón, thiếu cả sức kéo, mạ chết, lúa chết, tổn rất nhiều công sức lao động mà diện tích kế hoạch một số cây trồng đạt thấp, năng suất cây trồng vụ đông ở những nơi không có điều kiện khắc phục đã bị giảm so với những năm bình thường./.